

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày: 29-4-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyết.
2. Ông Đỗ Mạnh Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị V, tên gọi khác: Không, sinh năm 1986; tại tỉnh Nghệ an; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông Nguyễn Như T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; chồng: Hồ Hữu H, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy L, tên gọi khác: Không; sinh năm 1986; tại: tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 285 đường Phan Chu Trinh, phường Lộc Tiến, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; con ông Nguyễn Văn Phiên, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Thắm, sinh năm 1956; chồng: Trần Đại, sinh năm 1982; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ 1. *Vắng mặt.*

2. NLQ 2. *Có mặt.*
3. NLQ 3. *Vắng mặt.*
4. NLQ 4. *Vắng mặt.*
5. NLQ 5. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*
6. NLQ 6. *Có mặt.*
7. NLQ 7. *Có mặt.*
8. NLQ 8. *Có mặt.*
9. NLQ 9. *Vắng mặt.*
10. NLQ 10. *Vắng mặt.*
11. NLQ 11. *Vắng mặt.*
12. NLQ 12. *Vắng mặt.*
13. NLQ 13. *Vắng mặt.*
14. NLQ 14. *Vắng mặt.*
15. NLQ 15. *Vắng mặt.*
16. NLQ 16. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị V là kế toán của NLQ 1 Hạnh N, mã số thuế: 5801339227, địa chỉ: Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1964, chức vụ: Giám đốc; nơi đăng ký thường trú: số 64 Lý Tự Trọng, Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình đi tập huấn về công tác thuế thì Nguyễn Thị V đã quen biết với Nguyễn Thị Thùy L là kế toán của Hợp tác xã V, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình quen biết thì L có hỏi V về việc Công ty nơi V làm có xuất được hóa đơn vận chuyển không? vì L có quen biết một số cá nhân và công ty cần mua hóa đơn vận chuyển để quyết toán thuế đầu vào. Khi nghe vậy, là kế toán nên V nhận thức được lợi ích từ việc bán hóa đơn và biết được sự buông lỏng quản lý của giám đốc NLQ 1 Hạnh N nên V đã đồng ý bán hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) cho L với giá từ 8% đến 9% trên tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn.

Mỗi lần có cá nhân hoặc công ty muốn mua hóa đơn GTGT thì Nguyễn Thị Thùy L liên lạc điện thoại với Nguyễn Thị V để cung cấp thông tin của đơn vị mua hóa đơn và số tiền ghi trên hóa đơn cho V. V sẽ trực tiếp viết hóa đơn, ký vào vị trí người bán hàng, đồng thời giả chữ ký của ông Nguyễn Minh H trên hóa đơn, các hợp đồng thuê xe, biên bản nghiệm thu khối lượng, trực tiếp sử dụng con dấu của Công ty Hạnh N để đóng lên các hóa đơn GTGT và các giấy tờ có liên quan, sau đó liên lạc với L để giao hóa đơn và nhận tiền từ L.

Quá trình điều tra xác định: Trong thời gian năm 2017 và năm 2018, Nguyễn Thị V đã bán trái phép 155 (một trăm năm mươi lăm) hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.368.274.343đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng), thuế GTGT 10% là 136.827.434đ (một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm hai bảy ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng) của Công ty Hạnh N cho 15 (mười lăm) Công ty sau: Công ty TNHH W, Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K, Công ty cổ phần môi giới bất động sản G, Công ty chế biến hàng xuất khẩu C, Công ty TNHH hợp tác B, Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B, Công ty cổ phần B, Công ty TNHH bò sữa C, Công ty cổ phần H, Công ty cổ phần X, Công ty cổ phần T, Công ty cổ phần B, Chi nhánh R&D, Hợp tác xã V và Công ty TNHH H.

Trong đó Nguyễn Thị Thùy L đã trực tiếp môi giới mua 50 số hóa đơn của Công ty Hạnh N từ Nguyễn Thị V, với giá trị hàng hóa trước thuế là 591.216.626đ (năm trăm chín một triệu, hai trăm mười sáu nghìn, sáu trăm hai sáu đồng), thuế GTGT là 59.121.662đ (năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi hai đồng) để giao cho các Doanh nghiệp sau: Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K, Công ty cổ phần môi giới bất động sản G, Công ty cổ phần thực phẩm CJ Cầu Tre, Công ty TNHH hợp tác B, Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B, Công ty TNHH bò sữa C, Công ty cổ phần B, Chi nhánh R&D.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị V đã cùng Nguyễn Thị Thùy L bán hóa đơn cho các doanh nghiệp sau đây:

1. Công ty cổ phần B; mã số thuế: 5801193246; địa chỉ: Khu công nghiệp L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình làm việc Công ty CP B đã cung cấp 37 hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P-HN/18P (gồm các số 0000004, 0000006, 0000034, 0000045, 0000084, 0000050, 0000140, 0000142, 0000145, 0000222, 0000224, 0000227, 0000058, 0000061, 0000063, 0000145, 0000148, 0000150, 0000215, 0000223, 0000226, 0000230, 0000278, 0000283, 0000292, 0000294, 0000373, 0000377, 0000478, 0000487, 0000495, 0000582, 0000583, 0000674, 0000678, 0000680, 0000748, với tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế là 531.227.269 đồng, thuế GTGT 10% là 53.122.726 đồng và một số chứng từ chứng minh người lấy hóa đơn. Trên chứng từ thể hiện nhân viên Nguyễn Ngọc Lưu L, sinh năm 1985, địa chỉ phường 2, thành phố B đã lập thủ tục thanh toán 17 tờ hóa đơn của Công ty Hạnh N từ tháng 05/2017 đến tháng 11/2017, sau đó nghỉ việc và bàn giao lại cho Trần Thị Ngọc Q, sinh năm 1988, địa chỉ Số 238/12 H, phường L, thành phố B. Bà Q đã lập thủ tục thanh toán 17 tờ hóa đơn của Công ty Hạnh N từ thời gian tháng 12/2017 đến tháng 05/2018, còn lại 03 tờ hóa đơn là do ông Giang Vĩnh P, sinh năm 1977, địa chỉ: phường B, thành phố B lập thủ tục thanh toán. Toàn bộ 37 tờ hóa đơn của Công ty Hạnh N đã được Công ty cổ phần B làm thủ tục xuất toán. Tất cả 37 số hóa đơn trên đều do Nguyễn Thị Thùy L mua lại từ Nguyễn Thị V, sau đó bán lại cho Công ty Bel Gà.

L thu lợi từ việc bán 37 hóa đơn này là 1% của giá trị hàng hóa trước thuế với số tiền là 5.312.273đ (năm triệu, ba trăm mười hai nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Nguyễn Thị V được hưởng lợi số tiền là 7 % của giá trị hàng hóa trước thuế

với số tiền là 37.185.908đ (ba mươi bảy triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm lẻ tám đồng).

2. Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K, mã số thuế: 0302901882; địa chỉ: huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2018, Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K có chính sách hỗ trợ tiền vận chuyển từ kem cho DNTN kem Thái P; địa chỉ: Phường 1, Tp. B, để thanh toán được tiền thì bà Vũ Thị Cẩm T – chủ DNTN kem Thái P đã nhờ bà Nguyễn Thị T (nhân viên Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K và cũng là kế toán cho DNTN kem Thái P) lấy hóa đơn để thanh toán. Do có quen biết với Nguyễn Thị Thùy L qua việc môi giới bảo hiểm nên Nguyễn Thị T đã nhờ L mua 05 hóa đơn GTGT về cước vận chuyển để gửi về cho Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K. Do vậy, L đã liên lạc với V để mua 05 số hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/18P (gồm các số 0000323, 0000356, 0000367, 0000509, 0000527) của NLQ 1ạnh Nguyễn, với tổng giá trị tiền hàng là cước vận chuyển chưa thuế là 6.352.993 đồng, thuế GTGT là 635.299 đồng. Sau khi được V giao các hóa đơn trên thì L hẹn bà T tại siêu thị Coop Mark thành phố B để giao hóa đơn.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 05 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 444.709đ. Do được hưởng hoa hồng bán bảo hiểm từ T nên L không nhận tiền bán hóa đơn từ bà T mà L tự bỏ số tiền tương đương với 8% giá trị hàng hóa trước thuế ra để trả cho V với số tiền là 508.239đ.

3. Công ty cổ phần môi giới bất động sản G; mã số thuế: 0313890424; địa chỉ: Phường 26, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2018 Công ty cổ phần môi giới bất động sản G chuyển văn phòng về phường Lộc Phát, Tp. B nên đã giao việc đi thuê xe cho nhân viên Nguyễn Thị Minh T. Vào tháng 08/2018 khi thuê xe bà T có thỏa thuận với tài xế là phải có hóa đơn vận chuyển. Sau khi vận chuyển và thanh toán tiền thì tài xế nói bà T đến Hợp tác xã V, địa chỉ: Phường 2, Tp. B để lấy hóa đơn. Khi đến Hợp tác xã, bà T gặp L để lấy hóa đơn thì L hẹn bà T sẽ giao hóa đơn tại nhà cho bà T. Sau đó bà T nhận được từ L 01 tờ hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/18P số 0000475, với tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế là 2.090.909 đồng, thuế GTGT 10% là 209.090 đồng, đồng thời bà T trả cho L số tiền mua hóa đơn là 10% trên tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 01 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế tương đương với số tiền là 167.272đ. Nguyễn Thị Thùy L thu lợi 2% trên giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 41.818đ.

4. Công ty TNHH hợp tác B; mã số thuế: 5801369165; địa chỉ: phường L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2018 anh Nguyễn Hải I, sinh năm 1991, địa chỉ: Phường L, thành phố B muốn thuê xe để chở giám đốc đi khảo sát vườn cà phê tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng nên đã dùng ứng dụng Facebook vào nhóm “mua bán Bảo Lộc” để đăng tin thuê xe. Sau đó L dùng số điện thoại 0795567517 liên lạc với anh Nguyễn Hải I theo số điện thoại 0971666549 để thỏa thuận cho thuê xe, đồng thời cho số điện thoại của tài xế lái xe (không rõ nhân thân, lai lịch) để anh Nguyễn Hải I liên lạc. Anh Nguyễn Hải I đã thuê 03 chuyến xe và sau mỗi chuyến đều trả tiền luôn cho tài xế. Khi anh Nguyễn Hải I yêu cầu hóa đơn thì L gửi 03 hóa đơn qua dịch vụ chuyển phát nhanh đến nhà

cho anh Nguyễn Hải L. Toàn bộ nội dung 03 hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/18P (gồm số 0000153, 0000176, 0000241), với tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế là 40.000.000 đồng, thuế GTGT 10% là 4.000.000 đồng là do Công ty Hạnh N xuất bán cước vận chuyển Sài Gòn – Bảo Lộc cho Công ty TNHH hợp tác B.

Đối với số hóa đơn này thì L không thu lợi, Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 03 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế tương đương với số tiền là 2.800.000đ.

5. Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B, mã số thuế: 5800563106; địa chỉ: Phường 1, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào tháng 12/2017 ông Mai Xuân H là nhân viên của Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B có thuê xe vận chuyển ống nước cho công ty nhưng bên cho thuê xe không có hóa đơn đề xuất cho ông H. Để thanh toán tiền đã ứng ra thuê xe nên ông H đã đến Hợp tác xã V để nhờ xuất hóa đơn. Tại Hợp tác xã V ông H được Nguyễn Thị Thùy L đồng ý bán hóa đơn cho ông H với giá 10% trên tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn và hẹn đến chiều cùng ngày giao hóa đơn và nhận tiền tại ngã tư đường P – H, Tp. B. Nội dung ghi trên hóa đơn là Công ty Hạnh N xuất bán cước vận chuyển ống nước cho Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/18P, số 0000623, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 3.545.455 đồng, thuế GTGT 10% là 354.545 đồng.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 01 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 248.182đ. Nguyễn Thị Thùy L thu lợi 2% trên giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 70.909đ.

6. Công ty TNHH MTV bò sữa C, mã số thuế: 0311529981; địa chỉ: tầng 11, N, số 33 L, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2018 Công ty TNHH MTV bò sữa C thuê ông Mai Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vận chuyển bò sữa từ Tp. Đ về huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Q đã liên hệ với Nguyễn Thị Thùy L để mua hóa đơn GTGT mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/18P, số 0000563, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 2.272.727 đồng, thuế GTGT 10% là 227.273 đồng của công ty Hạnh N xuất bán cước vận chuyển cho Công ty TNHH MTV bò sữa C để thanh toán tiền vận chuyển.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 01 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 159.091đ. Do Q hay mua bảo hiểm xe của L nên đối với số hóa đơn này Nguyễn Thị Thùy L không lấy tiền bán hóa đơn từ Q mà tự bỏ tiền của L, tương đương với 8% số tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn để trả thay cho Q số tiền là 181.818đ cho Nguyễn Thị V.

7. Công ty chế biến hàng xuất khẩu C (nay đã đổi tên thành Công ty cổ phần thực phẩm CJC) – MST: 0300629913. Địa chỉ trụ sở: Số 125/208 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/5/2017, công ty CJ C thuê ông Mai Văn Q; sinh năm 1985; ở tại xã Đ, Tp. B vận chuyển hàng từ huyện Đ về nhà máy trà của Công ty tại thôn 4, xã L, huyện B. Tuy nhiên, khi chở hàng cho Công ty chế biến hàng xuất khẩu C thì cần phải có hóa đơn GTGT thì mới thanh toán được tiền vận chuyển. Do Q là xã viên của HTX V nên quen biết Nguyễn Thị Thùy L và mua 01 hóa đơn của L mang mẫu số:

01GTKT3/001, ký hiệu: HN/18P, số 0000475, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 2.090.909 đồng, thuế GTGT 10% là 209.090 đồng, ghi nội dung công ty Hạnh N xuất bán cước vận chuyển cho Công ty chế biến hàng xuất khẩu C để thanh toán tiền vận chuyển. Đến tháng 7/2017 Q mới đưa 01 hóa đơn trên cho công ty, do hóa đơn ghi xuất thời điểm tháng 5/2017 nên không thanh toán được do đó công ty không sử dụng hóa đơn này để lập hồ sơ khai thuế.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 01 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 146.364đ. Do Q hay mua bảo hiểm xe của L nên đối với số hóa đơn này L không lấy tiền bán hóa đơn từ Q mà tự bỏ tiền của L, tương đương với 8% số tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn để trả thay cho Q số tiền là 167.272đ cho Nguyễn Thị V

8. Công ty TNHH D; mã số thuế: 3701091716-011; địa chỉ: Lô A4 Khu công nghiệp H Phú, ấp Phước H, xã H Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Vào năm 2017 chi nhánh Công ty TNHH D Vĩnh Long có mua gà con của Công ty Bel Gà, sau đó thuê ông Nguyễn Phương Bình vận chuyển về chi nhánh tại tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, việc liên hệ nhận chuyển hàng là do bà Nguyễn Thị Tố Q là vợ ông Bình thực hiện. Do vậy, bà Q đã liên hệ với Nguyễn Thị Thùy L để mua 01 hóa đơn GTGT số 0000648 ngày 23/12/2017 ghi nội dung công ty Hạnh N xuất cước vận chuyển cho Chi nhánh Công ty TNHH D Vĩnh Long, với giá trị hàng hóa trước thuế là 3.636.364 đồng, thuế GTGT 10% là 363.636 đồng rồi đưa cho chồng (ông Bình) để giao cho Chi nhánh Công ty TNHH D Vĩnh Long để thanh toán tiền vận chuyển.

Nguyễn Thị V thu lợi từ việc bán trái phép 01 số hóa đơn trên với số tiền 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 254.545đ. Đối với số hóa đơn này Nguyễn Thị Thùy L không thu lợi gì

Như vậy, Nguyễn Thị Thùy L đã trực tiếp môi giới mua 50 số hóa đơn của Công ty Hạnh N từ Nguyễn Thị V để bán cho 08 Công ty, với giá trị hàng hóa trước thuế là 591.216.626đ (năm trăm chín mươi một triệu, hai trăm mười sáu nghìn, sáu trăm hai sáu đồng), tiền thuế GTGT là 59.121.662đ (năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi một ngàn, sáu trăm hai mươi sáu đồng), thu lợi bất chính số tiền là 5.425.000đ (năm triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Tuy nhiên, khi mua 05 số hóa đơn của Nguyễn Thị V để đưa cho bà Nguyễn Thị T Công ty cổ phần thực phẩm đông lạnh K và 02 hóa đơn để giao cho Mai Văn Q thì L không lấy tiền từ bà T và ông Q mà tự bỏ tiền của mình ra để trả cho Nguyễn Thị V tương ứng với 8% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên 07 hóa đơn nêu trên, với số tiền là 857.330đ (tám trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng) nên số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Thùy L là 4.567.670đ (bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng).

Đối với số hóa đơn GTGT của NLQ 1 Hạnh N mà Nguyễn Thị V đã bán cho các Doanh nghiệp sau đây thì đến nay Cơ quan CSĐT Công an thành phố B chưa chứng minh được hành vi mua bán trái phép của Nguyễn Thị Thùy L nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự của L đối với số hóa đơn này, gồm:

1. Công ty Công ty TNHH W; mã số thuế: 5801339555; địa chỉ: 28 L, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào năm 2017 và năm 2018 bà Cao Thị H là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của 6.NLQ 6 Quá trình kinh doanh bà H thuê bà Nguyễn Thị Thùy D làm nhân viên kế toán xuất nhập khẩu, thực hiện công việc là thuê xe vận chuyển hàng và điều phối hàng hóa. Sau khi thuê xe sẽ lấy hóa đơn về để thanh toán với công ty. Đối với 19 tờ hóa đơn liên 2 mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P (gồm: số 0000283, 0000318, 0000339, 0000346, 0000366, 0000367, 0000369, 0000399, 0000422, 0000460, 0000480, 0000509, 0000512, 0000536, 0000537, 0000540, 0000589, 0000591, 0000595), với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 57.800.000 đồng, thuế GTGT 10% là 5.780.000 đồng của Công ty Hạnh N xuất bán cước vận chuyển cho Công ty TNHH W là do bà Nguyễn Thị Thùy D đưa về để thanh toán. Căn cứ phiếu xuất kho của Công ty TNHH W, Cơ quan CSĐT công an thành phố B đã tiến hành làm việc đối với Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, tài xế xe tải biển số 49C-136.26 đã thừa nhận quen biết Nguyễn Thị Thùy L vì H là xã viên và L là kế toán của HTX vận tải ô tô số 1. Khi H nhận chở hàng cho Công ty TNHH W thì đã liên lạc với L, sau đó L đã giới thiệu Nguyễn Thị V cho H để lấy hóa đơn nhằm thanh toán tiền vận chuyển.

Nguyễn Thị V đã thu lợi từ việc bán 19 số hóa đơn cho Công ty TNHH W, tương đương với 7% giá trị hàng hóa trước thuế với số tiền 4.046.000đ.

Đối với số hóa đơn này, quá trình điều tra Nguyễn Thị Thùy L chỉ thừa nhận về việc giới thiệu số điện thoại của Nguyễn Thị V cho Nguyễn Văn H liên hệ để V làm thủ tục vận chuyển hàng hóa cho Hân với 6.NLQ 6 Quá trình điều tra Nguyễn Văn H đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 hợp đồng thuê phương tiện giữa Công ty Hạnh N với Nguyễn Văn H. Đây là hợp đồng do Nguyễn Thị V lập khống để hợp thức hóa việc bán trái phép hóa đơn của V. Sau khi lập khống các hóa đơn trên thì V đã nhờ L giao các hóa đơn trên cho Hân và nhận tiền từ Hân để giao lại cho V. Tuy nhiên, khi nhận hóa đơn từ V và nhận tiền từ Hân thì L không biết về hành vi bán trái phép hóa đơn của V mà nghĩ rằng là Công ty Hạnh N thuê lại xe của Hân, sau đó Công ty Hạnh N ký hợp đồng vận chuyển với Công ty TNHH W nên việc Công ty Hạnh N xuất hóa đơn GTGT cho Hân để thanh toán với Công ty TNHH W là không vi phạm. Ngoài ra, L cũng không thu lợi gì từ việc này. Do vậy, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với của Nguyễn Thị Thùy L về 19 hóa đơn GTGT trên.

2. Công ty cổ phần B; mã số thuế: 0310071402; địa chỉ: số 02 H, Phường 2, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2017 Nguyễn Thị V đã bán cho Công ty B 01 tờ hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P, số 0000004, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 8.000.000 đồng, thuế GTGT 10% là 800.000 đồng.

Qua xác minh tại Chi cục Thuế quận Phú Nhuận xác định: doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nên đã ra thông báo số 5117/TB-CCT ngày 17/7/2020 về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Xác minh tại Công an Phường 2, quận P, Tp. Hồ Chí Minh xác định: tại số 02 H, Phường 2, quận P, TPHCM hiện nay không có Công ty cổ phần B hoạt động nên không có căn cứ để xem xét vai trò của Nguyễn Thị Thùy L.

Nguyễn Thị V đã thu lợi từ việc bán 01 số hóa đơn trên tương đương với 7% giá trị hàng hóa trước thuế với số tiền 560.000đ.

3. Công ty cổ phần H; mã số thuế: 5800938669; địa chỉ: tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2017 Công ty cổ phần H có quyết toán 01 hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P, số 0000644, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 3.181.818 đồng, thuế GTGT 10% là 318.182 đồng, nội dung là Công ty Hạnh N vận chuyển thiết bị cho NLQ 13 Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên quá trình điều tra không xác định được ai là người mua hóa đơn trên.

Nguyễn Thị V thu lợi bất chính đối với số hóa đơn này là 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 222.727đ (hai trăm hai hai nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng).

4. Công ty cổ phần X; mã số thuế: 5800238473; địa chỉ: số 456B T, Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2017 Công ty cổ phần X có sử dụng 01 tờ hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P, số 0000642, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 6.090.909 đồng, thuế GTGT 10% là 609.091 đồng của Công ty Hạnh N để quyết toán thuế. Nguồn gốc của hóa đơn là do ông Phạm Đức C là nhân viên công ty (hiện nay đã nghỉ việc) mang về để thanh toán tiền vận chuyển xe lu với công ty, còn hóa đơn từ đâu ông C có thì công ty không biết. Hiện nay do ông C đã nghỉ việc nên chưa liên lạc để xác minh được.

Nguyễn Thị V thu lợi bất chính đối với số hóa đơn này là 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 426.364đ (bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

5. Công ty cổ phần T; mã số thuế: 0314358903; địa chỉ: số 89 T, Phường 4, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2017-2018 Công ty cổ phần T có sử dụng 38 tờ hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P-HN/18P (gồm các số 0000010, 0000011, 0000021, 0000027, 0000042, 0000054, 0000084, 0000086, 0000094, 0000109, 0000116, 0000132, 0000147, 0000149, 0000191, 0000173, 0000219, 0000237, 0000245, 0000274, 0000322, 0000338, 0000357, 0000403, 0000404, 0000435, 0000471, 0000511, 0000513, 0000548, 0000566, 0000603, 0000616, 0000672, 0000676, 0000689, 0000719, 0000737, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 266.727.263 đồng, thuế GTGT 10% là 26.672.726 đồng.

Phúc đáp công văn đề nghị cung cấp đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 101 ngày 05/03/2021 của Cơ quan CSĐT Công an Tp. B, Chi cục thuế quận T, Tp. Hồ Chí Minh đã có văn bản số 1451/CCTTB-KT2 ngày 09/3/2021 trả lời: Chi cục Thuế quận T đã có thông báo số 40171/TB-CCT-KTT2 ngày 06/9/2019 gửi cơ quan CSĐT về Công ty cổ phần T – MST: 0314358903 đã không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày 06/9/2019 nên không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Thùy L.

Nguyễn Thị V thu lợi bất chính đối với số hóa đơn này là 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 16.670.908đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

6. Hợp tác xã V– MST: 5800005038; địa chỉ: 502 T, Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 2017-2018 Hợp tác xã V có sử dụng 43 tờ hóa đơn GTGT mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P-HN/18P (gồm các số 0000014, 0000047, 0000075, 0000144, 0000230, 0000295, 0000374, 0000393, 0000433, 0000441, 0000443, 0000534, 0000057, 0000062, 0000067, 000083, 0000144, 0000147, 0000161, 0000222, 0000225, 0000277, 0000273, 0000261, 0000258, 0000247, 0000235, 0000287, 0000284, 0000371, 0000359, 0000375, 0000472, 0000469, 0000397, 0000565, 0000557, 0000553, 0000549, 0000596, 0000615, 0000622, 0000649, với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 419.530.454 đồng, thuế GTGT 10% là 41.953.045 đồng của công ty Hạnh N để lập hồ sơ khai thuế với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 419.530.454 đồng, thuế GTGT 10% là 41.953.045 đồng. Việc HTX vận tải ô tô số 1 sử dụng 43 tờ hóa đơn GTGT của công ty Hạnh N để lập hồ sơ khai thuế để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp nhằm mục đích trốn thuế, cụ thể: theo bản Kết luận giám định của Chi cục thuế khu vực Đ- Đ- C thuộc Cục thuế tỉnh Lâm Đồng ngày 06/8/2021 kết luận: Hợp tác xã V- Mã số thuế: 5800005038 sử dụng 43 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số thuế GTGT trốn là 41.953.045 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 83.906.091 đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT, TNDN là 125.859.163 đồng.

Nguyễn Thị V thu lợi bất chính đối với số hóa đơn này là 7% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 29.367.131đ (hai mươi chín triệu, ba trăm sáu bảy nghìn, một trăm ba một đồng).

7. Công ty TNHH H – MST: 5801358089.

Quá trình điều tra xác định: năm 2017 Công ty TNHH H sử dụng 02 tờ hóa đơn mang mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu HN/17P (gồm số 0000488, 0000535), với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 15.727.273 đồng, thuế GTGT 10% 1.572.727 đồng. Qua xác minh, công ty không hoạt động tại địa chỉ, không phát sinh hoạt động thuế.

Nguyễn Thị V thu lợi bất chính đối với số hóa đơn này là 8% giá trị hàng hóa trước thuế, tương đương với số tiền là 1.258.181đ (một triệu, hai trăm năm tám nghìn, một trăm tám một đồng).

Kết luận giám định số: 507, 508, 509, 510, 511/C09B ghi các ngày 03, 04, 05 và ngày 08/02/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 155 hóa đơn GTGT do Nguyễn Thị V ký, viết ra. Hình dấu tròn Công ty Hạnh N trên 155 hóa đơn là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết trên 02 hóa đơn GTGT liên 2 thu giữ của Công ty K do Nguyễn Thị Thùy L ký, viết ra.

Kết luận giám định của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ- C thuộc Cục thuế tỉnh Lâm Đồng ngày 06/8/2021 kết luận:

- Công ty cổ B - Mã số thuế: 5801193264 sử dụng 37 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào, với số tiền trốn thuế là 53.122.727 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $531.227.269 \times 20\% = 106.245.454$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 159.368.181 đồng.

- Công ty TNHH hợp tác B - Mã số thuế: 5801369165 sử dụng 03 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số tiền trốn thuế là 4.000.000 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $40.000.000đ \times 20\% = 8.000.000$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 12.000.000 đồng.

- Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng B - Mã số thuế: 5800563106 sử dụng 01 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số tiền trốn thuế là 354.546 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $3.545.455đ \times 20\% = 709.091$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 1.063.637 đồng.

- Công ty cổ phần X - Mã số thuế: 5800238473 sử dụng 01 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số tiền trốn thuế là 609.091 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $6.090.909đ \times 20\% = 1.218.182$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 1.827.273 đồng.

- Công ty TNHH W - Mã số thuế: 5801339555 sử dụng 19 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số tiền trốn thuế là 5.780.000 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $57.800.000đ \times 20\% = 11.560.000$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 17.340.000 đồng.

- Hợp tác xã V - Mã số thuế: 5800005038 sử dụng 43 hóa đơn để khai báo thuế GTGT đầu vào với số tiền trốn thuế là 41.953.045 đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp $419.530.454đ \times 20\% = 83.906.091$ đồng. Tổng số tiền trốn thuế GTGT và TNDN là 125.859.163 đồng.

Kết luận giám định số 933/GĐ-PC54 ngày 16/8/2021 kết luận: chữ ký ông Nguyễn Minh H không phải do cùng một người ký ra.

Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSBL, ngày 09/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Thùy L về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 250.000.000đ đến 300.000.000đ. Miễn hình phạt bổ sung.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L từ 200.000.000đ đến 250.000.000đ. Miễn hình phạt bổ sung.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 96.043.643đ (chín mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng) của bị cáo Nguyễn Thị V. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 96.117.000đ (chín mươi sáu triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng) của bị cáo V để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 4.567.670đ (bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Thùy L. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.425.000đ (năm triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

+ Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về bản Cáo trạng và không có tranh luận, đối đáp gì với Kiểm sát viên.

+ Bị cáo V nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, do thiếu hiểu biết về pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét chuyển hình phạt tiền sang hình phạt khác vì bị cáo không có tiền nộp Ngân sách nhà nước như Kiểm sát viên đề nghị và xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo L nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật, do thiếu hiểu biết về pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Thùy L đã khai và thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nội dung bản Kết luận điều tra; nội dung Kết luận giám định; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định và đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, lợi dụng là vị trí kế toán và lợi dụng sự tin tưởng, buôn lỏng quản lý của giám đốc NLQ 1ạnh Nguyễn. Nguyễn Thị V đã có hành vi lập không 155 số hóa đơn GTGT, với giá trị hàng hóa trước thuế là 1.368.274.343đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng), thuế GTGT 10% là 136.827.434đ (một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm hai bảy ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng) của NLQ 1 Hạnh N nhằm mục đích bán hóa đơn cho các doanh

nghiệp, cá nhân để thu lợi bất chính số tiền 96.043.643đ (chín mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Trong đó Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp mua 50 số hóa đơn GTGT từ V để bán cho các doanh nghiệp thu lợi bất chính số tiền là 4.567.670đ (bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng). Đối với 19 (mười chín) hóa đơn GTGT xuất cho công ty W, 43 (bốn mươi ba) hóa đơn GTGT xuất cho HTX vận tải ô tô số 1, 37 (ba mươi bảy) hóa đơn GTGT xuất cho Công ty cổ phần T, L chỉ là người giới thiệu cho tài xế H và người đàn ông tên H và nghe theo sự chỉ đạo của bà H nên chưa đủ cơ sở chứng minh L về hành vi mua bán trái phép đối với số hóa đơn này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của tội phạm, tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước, qui định của nhà nước về quản lý tài chính tiền tệ, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, thể hiện rõ sự xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Các bị cáo thực hiện tội phạm nghiêm trọng gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo L có hoàn cảnh là lao động chính trong gia đình, nuôi 03 con nhỏ và chồng bị thoái hóa các thân đốt sống, thoát vị nhẹ tầng đĩa đệm. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Vụ án có đồng phạm nên cần xem xét tính chất và mức độ của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị V là người có vai trò chính và là người trực tiếp thực hiện tội phạm với số tiền thu lợi bất chính là 96.043.643đ nên tính chất, mức độ của bị cáo cao hơn bị cáo L.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy L là người có vai trò thứ yếu và là người trực tiếp thực hiện tội phạm với số tiền thu lợi bất chính là 4.567.670 nên tính chất mức độ của bị cáo thấp hơn bị cáo V.

[8] Căn cứ vào qui định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà chỉ cần giao bị cáo V cho chính quyền địa phương phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục; bị cáo L áp dụng hình phạt chính là tiền cũng đủ giáo dục và phòng ngừa. Vì vậy, áp dụng cho bị cáo V Điều 65 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo L Điều 35 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[9] Về phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần phạt bổ sung bị cáo V số tiền 10.000.000đ. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 96.043.643đ (chín mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng) của bị cáo Nguyễn Thị V. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 96.117.000đ (chín mươi sáu triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng) của bị cáo V để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 4.567.670đ (bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Thùy L. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.425.000đ (năm triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) của bị cáo L để đảm bảo thi hành án.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với 19 hóa đơn GTGT xuất cho công ty W nhận thấy: Quá trình làm việc với cơ quan điều tra và Viện kiểm sát: Nguyễn Văn H thừa nhận trong năm 2017 có nhận vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH W khoảng 7 đến 8 lần (không nhớ cụ thể bao nhiêu lần), mỗi lần vận chuyển đều ký vào phiếu xuất kho của Công ty. Sau khi vận chuyển hàng hóa xong thì liên hệ với bị cáo L để lấy hóa đơn về thanh toán với 6.NLQ 6. Kết quả kiểm tra theo phiếu xuất kho của TNHH W thì H chỉ ký nhận chở hàng 04 lần cho Công ty. Do vậy, Nguyễn Thị Thùy L phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo V về hành vi bán trái phép hóa đơn đối với 04 số hóa đơn này. Đối với 15 số hóa đơn còn lại không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với của Nguyễn Thị Thùy L

Đối với 43 (bốn mươi ba) hóa đơn GTGT xuất cho HTX vận tải ô tô số 1 nhận thấy: Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Thùy L với vai trò là kế toán nên phải thực hiện theo sự chỉ đạo của bà Nguyễn Thị H trong việc soạn T hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển, biên bản nghiệm thu khối lượng vận chuyển, biên bản thanh lý hợp đồng vận chuyển rồi đưa cho Nguyễn Thị V mang về ký đóng dấu và đưa lại cho L. Quá trình điều tra đến nay xác định: L cũng không được hưởng lợi gì từ số hóa đơn này. Do vậy, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với L về 43 số hóa đơn GTGT này.

Đối với 37 (ba mươi bảy) hóa đơn GTGT xuất cho Công ty cổ phần T: Kết quả điều tra xác định Doanh nghiệp này đã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ ngày 06/9/2019 nên không làm việc được với những người liên quan, không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Thùy L

Đối với ông Nguyễn Minh H là người đại diện theo pháp luật, đồng thời là giám đốc của NLQ 1ạnh Nguyễn. Quá trình điều tra xác định ông Hạnh không biết và cũng không liên quan đến hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Hạnh N cho các doanh nghiệp. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi mua hóa đơn GTGT để sử dụng kê khai khấu trừ giảm số thuế phải nộp của các doanh nghiệp không. Do chưa triệu tập làm việc được và các doanh nghiệp chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT đã có văn bản đề nghị cơ quan Thuế xem xét và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi mua hóa đơn của các cá nhân có liên quan để sử dụng kê khai thuế cho các doanh nghiệp như Công ty cổ phần B, Công ty TNHH W, Công ty cổ phần T.... Đến nay, thời hạn điều tra đã hết nên cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tách ra điều tra để xử lý sau.

Đối với Công ty cổ phần B, có dấu hiệu trốn thuế GTGT, thuế TNDN là 159.368.181đ, Hợp tác xã V có dấu hiệu trốn thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp là 125.859.163đ. Đến nay thời hạn điều tra đã hết, do vậy cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tách ra điều tra để xử lý sau.

[12] Xét ý kiến trình bày luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận đối với bị cáo L. Phần không được chấp nhận về hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo V, với lý do là bị cáo V là người có vai trò chính, số tiền thu lợi bất chính 96.043.643đ. Ngoài ra, bị cáo V cũng đề nghị không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt khác mới đúng tính chất, mức độ của tội phạm.

[13] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203, Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị V 15** (mười lăm) tháng tù cho hưởng án

treo, thời gian thử thách là **30** (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân Phường 2, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án hình sự được thực hiện theo Luật thi hành án Hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách. *“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.*

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy L** số tiền **200.000.000đ** (hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền thu lợi bất chính 96.043.643đ (chín mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 96.117.000đ (chín mươi sáu triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị V để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu số tiền thu lợi bất chính 4.567.670đ (bốn triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.425.000đ (năm triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Thùy L để đảm bảo thi hành án.

Theo các Ủy nhiệm chi số 17 ngày 25/3/2022 và Ủy nhiệm chi số 32 ngày 26/4/2022 giữa Cơ quan Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Thùy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A.DS thành phố B;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công

